TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **20**/2024/DS-ST Ngày 12/4/2024 V/v: Tranh chấp về kiện đòi tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lục Viết Sang
2. Ông Nguyễn Đức Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST- DS ngày 02/11/2023 về việc "Tranh chấp về kiện đòi tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hoàng Ngọc T2, sinh năm 1995(vợ anh T); Địa chỉ: Xóm V, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Nguyễn Văn T) trình bày:

Anh T và chị Phan Thị T1 có quen biết bạn bè bình thường, anh T cho chị T1 vay tiền các lần:

Lần 1: Ngày 25/02/2022: Số tiền là 1.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 08/3/2022: Số tiền là 8.500.000 đồng;

Lần 3: Ngày 08/3/2022: Số tiền là 1.500.000 đồng;

Lần 4: Ngày 22/3/2022: Số tiền là 5.000.000 đồng.

Tổng các lần cho vay trên là: 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Chị T1 vay tiền của anh để sử dụng vào mục đích cá nhân, hai bên thỏa thuận miệng sau 02 tháng thì chị T1 hoàn trả cho anh T số tiền này. Những lần anh cho chị T1 vay đều chuyển khoản qua tài khoản của anh tại Ngân hàng M. Đến hạn trả tiền chị T1 không trả số tiền đã vay của anh, anh T đã đòi nhiều lần nhưng chị T1 không trả. Vì vậy, anh T khởi kiện yêu cầu buộc chị T1 phải trả lại số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) trên cho anh T, không yêu cầu lãi. Ngoài ra anh T không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn (chị Phan Thị T1) trình bày: Chị T1 và anh T có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau. Chị T1 xác nhận có việc anh T chuyển tiền cho chị T1 các lần vào ngày 25/02/2022, ngày 03/3/2022, ngày 08/3/2022 (02 lần), tổng số tiền là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) đúng như anh T trình bày tại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, chị khẳng định không có việc vay nợ hay anh T chuyển tiền cho chị T1 để cho chị T1 vay. Số tiền trên anh T chuyển cho chị T1 là vì mục đích cá nhân khác, còn mục đích gì thì chị T1 không cung cấp cụ thể cho Tòa án, sẽ gửi ý kiến sau. Nay anh T cho rằng các lần chuyển tiền này là để cho chị T1 vay nợ thì yêu cầu anh T phải chứng minh được các lần chuyển có nội dung cụ thể thể hiện cho chị vay. Giữa anh T và chị không có bất kỳ một văn bản thỏa thuận gì về việc cho vay nợ giữa hai người. Chị yêu cầu anh T phải cung cấp được giấy tờ rõ ràng về việc vay nợ của giao dịch ngân hàng mà anh T cung cấp. Chị xác nhận Tòa án đã giải thích cho chị T1 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ (nếu có) thể hiện việc không nợ tiền của anh T, chị T1 đã nắm rõ về việc này, chị xác định không có tài liệu, chứng cứ gì, do không nợ nên không có. Về anh Nguyễn Văn H- chồng chị T1 không có liên quan và không biết gì về việc này do anh H kết hôn với chị T1 tháng 4/2023- sau thời điểm có các giao dịch trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Hoàng Ngọc T2) trình bày: Chị là vợ hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, sau khi được Tòa án thông báo làm việc về nội dung anh T khởi kiện ra Tòa án huyện Y yêu cầu chị Phan Thị T1, sinh năm 1999 ở Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, chị mới biết có việc vay nợ giữa anh T và chị T1. Chị xác định khi anh T và chị T1 cho nhau vay mượn, chị đang ở

bên nước ngoài chưa về nước và cũng chưa kết hôn với anh T, chị và anh T kết hôn sau thời điểm anh T cho chị T1 vay, chị không biết chị T1 cũng như không liên quan tới việc này, đây là tiền riêng của anh T, anh T tự quyết. Nay chị xác định chị không có quyền lợi, nghĩa vụ gì với số tiền mà anh T cho chị T1 vay. Do công việc của chị rất bận nên chị không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án, chị xin vắng mặt các buổi triệu tập làm việc cũng như xét xử vụ án, đề nghị Tòa xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn là chị Phan Thị T1 chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều: 166, Điều 280; Điều 351; Điều 352, Điều 353, Điều 275; Điều 579; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Phan Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh Nguyễn Văn T số tiền là: **16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị T1 phải chịu 800.000đồng (T3 trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh T số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004707 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:***

Chị Phan Thị T1 là bị đơn đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2023 của anh Nguyễn Văn T, anh T xác định số tiền 16 triệu đồng anh T chuyển khoản cho chị T1 là tiền anh T cho chị T1 vay theo thỏa thuận miệng, chị T1 xác nhận có nhận 16 triệu đồng của anh T nhưng không phải tiền chị T1 vay anh T; các đương sự đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng. Vì vậy, không đủ căn cứ xác định hai bên có thỏa thuận về việc vay tài sản, số tiền chị T1 nhận từ anh T là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh T nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về kiện đòi tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

[2].1. Anh Nguyễn Văn T và chị Phan Thị T1 tự nguyện thỏa thuận chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị T1 vào các ngày 25/02/2022, ngày 03/3/2022 và ngày 08/3/2022 (02 lần), được xác nhận là thỏa thuận hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn T yêu cầu chị Phan Thị T1 phải trả số tiền vay gốc là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), thấy rằng: Anh T xác định sau khi thỏa thuận miệng về việc chị T1 vay tiền, anh T chuyển giao qua tài khoản ngân hàng MB đủ cho chị T1 tổng số tiền là 16 triệu đồng, chị T1 đã nhận đủ tiền vay. Chị T1 xác nhận có nhận của anh T số tiền 16 triệu đồng qua tài khoản ngân hàng như anh T khởi kiện, nhưng số tiền này không phải là tiền chị T1 vay anh T mà là vì mục đích cá nhân khác, còn mục đích gì thì chị T1 không cung cấp cụ thể cho Tòa án. Anh T và chị T1 đều xác định chỉ là mối quan hệ bạn bè bình thường, không có mối quan hệ thân thiết hay mối quan hệ rằng buộc về tình cảm. Đối với yêu cầu của anh T yêu cầu chị T1 phải trả cho anh T số tiền anh T cho chị T1 vay là 16 triệu đồng, do không có căn cứ việc hai bên thỏa thuận về việc vay tiền nhưng xác định chị T1 đã nhận của anh T số tiền 16 triệu đồng, chị T1 xác định vì mục đích cá nhân khác nhưng không đưa ra được chứng cứ vì mục đích cá nhân gì, chị T1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã chuyển trả cho anh T số tiền 16.000.000đồng. Vì vậy, xác định số tiền 16 triệu đồng chị T1 nhận chuyển khoản từ anh T là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh T, anh T yêu cầu chị T1 phải trả lại anh T số tiền này là có căn cứ, cần buộc chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán trả anh T số tiền này.

[2].2. Xét việc anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Phan Thị T1 phải thanh toán tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy không xet xét giải quyết về lãi trong vụ án.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận, vì vậy anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phan Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 166, Điều 280; Điều 351; Điều 352, Điều 353, Điều 275; Điều 579; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Phan Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh Nguyễn Văn T số tiền là: **16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phan Thị T1 phải chịu 800.000đồng (T3 trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh T số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004707 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Nguyễn Xuân Toàn